

Bản án số:132/2018/DS-ST
Ngày: 05-10-2018
V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hội”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thừa

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Tư

2. Bà Trần Thị Út

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Tiểu Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang

Ngày 05 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 272/2018/TLST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2018 về việc tranh chấp “Hợp đồng góp hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2018/QĐXX-ST ngày 06 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số:109/2018/QĐST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1940.

Địa chỉ: ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn K:

Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Tiền Giang,

(theo văn bản ủy quyền ngày 17/7/2018)

2. Bị đơn: Bà Võ Thị H, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Ông Võ Văn D, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13 tháng 7 năm 2018, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày: Bà H và ông D có mở và làm đầu thảo các dây hội, ông K là hội viên tham gia chơi hội, cụ thể như sau:

- Dây hội 01: Hội mở vào ngày 20/01/2011 âm lịch, hội tiền mỗi phần là 3.000.000 đồng, gồm 21 phần, mỗi năm mở hội 03 lần, trong dây hội này ông K tham gia 01 phần, đóng hội sống đến kỳ mở hội thứ 15, thì vợ chồng bà H, ông D tuyên bố vỡ hội ngừng đóng hội, nên còn nợ lại ông K 45.000.000 đồng.

- Dây hội 02: Hội mở vào ngày 20/08/2013 âm lịch, hội tiền mỗi phần là 1.000.000 đồng, gồm 22 phần, mỗi năm mở hội 04 lần, trong dây hội này ông K tham gia 01 phần, đóng hội sống đến kỳ mở hội thứ 14 thì vợ chồng bà H, ông D tuyên bố vỡ hội ngừng đóng hội, nên còn nợ lại ông K 14.000.000 đồng.

Tổng cộng bà H, ông D còn nợ lại bà số tiền 59.000.000 đồng tiền hội. Do quyền lợi bị xâm phạm nên nay ông K yêu cầu bà H, ông D trả lại 59.000.000 đồng sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Võ Thị H và ông Võ Văn D vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông K có đơn khởi kiện đối với bà H, ông D. Bà H, ông D có nơi cư trú tại ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Tiền Giang nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông K khởi kiện bà H và ông D để tranh chấp tiền nợ hội. Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật Dân sự nên quan hệ pháp luật là tranh chấp “Hợp đồng góp hội”.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Võ Thị H và ông Võ Văn D vắng mặt không có lý do dù đã được tổng đạt hợp lệ. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà H và ông D.

[4]. Về yêu cầu khởi kiện của đương sự:

Ông K yêu cầu bà H, ông D phải trả số tiền nợ là 59.000.000 đồng, trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy ông K là hội viên có tham gia 02 dây hội tiền do bà H và ông D làm đầu thảo là có thật, thể hiện qua 02 danh sách hội do ông K cung cấp. Hơn nữa, tại bản tự khai những người làm chứng là hội viên trong các dây hội trên đều xác nhận ông K có tham gia chơi hội; ông D, bà H có tổ chức hội và nợ hội như ông K trình bày. Bà H và ông D là chủ hội nhưng lại để hội vỡ mặc dù ông K đã thực hiện đúng nghĩa vụ của hội viên đóng đúng kỳ theo các kỳ hội. Sau khi hội vỡ bà H và ông D cũng không giao lại phần

tiền mà hội viên là ông K đã đóng trước đây, vi phạm nghĩa vụ của chủ hội được quy định tại Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ.

Bị đơn bà H, ông D đã được triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nhưng bà H, ông D vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến phản đối gì đến yêu cầu khởi kiện của ông K. Như vậy bà H, ông D đã thừa nhận còn nợ và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông K. Việc cố tình vắng mặt là nhằm kéo dài thời gian trả nợ, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông K.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của ông K là có cơ sở, phù hợp pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không có yêu cầu tiền hoa hồng khi tổ chức hội nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[5]. Về án phí: Bà H và ông D phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 288, 357, 471, 468 Bộ luật Dân sự;

- Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K đối với bà Võ Thị H và ông Võ Văn D.

Buộc bà H và ông D phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông K số tiền nợ 59.000.000 đồng, thời gian trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà H và ông D chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thì hàng tháng bà H và ông D còn phải trả thêm phần tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Về án phí:

Buộc bà Võ Thị H và ông Võ Văn D phải chịu 2.950.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.475.000 đồng theo biên lai thu tiền số 15838 ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND H. Cai Lậy;
- Chi cục THADS H. Cai Lậy;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thừa

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Cai Lậy, ngày 05 tháng 10 năm 2018

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào lúc 15 giờ 30 phút ngày 05 tháng 10 năm 2018.

Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thừa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tư;

2. Bà Trần Thị Út.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 272/2018/TLST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp “Hợp đồng góp hội”, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1940.(Có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn K:

Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Tiền Giang,

(theo văn bản ủy quyền ngày 17/7/2018)

1. Bị đơn: Bà Võ Thị H, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Ông Võ Văn D, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: tranh chấp “Hợp đồng góp hội”.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

2. Về điều luật áp dụng:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tổ tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 288, 357, 471, 468 Bộ luật Dân sự;

- Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016..

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%)

1. Quyết định xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K đối với bà Võ Thị H và ông Võ Văn D.

Buộc bà H và ông D phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Mót số tiền nợ 59.000.000 đồng, thời gian trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà H và ông D chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thì hàng tháng bà H và ông D còn phải trả thêm phần tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%)

2. Về án phí:

Buộc bà Võ Thị H và ông Võ Văn D phải chịu 2.950.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.475.000 đồng theo biên lai thu tiền số 15838 ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

5. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

Biên bản kết thúc 15 giờ 45 phút ngày 05 tháng 10 năm 2018, có đọc lại cho các thành viên Hội đồng xét xử nghe và đồng ý ký tên.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa